TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-ST
Ngày 25 - 4 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn.

Ông Võ Thanh Liêm;

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 24, 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn L; sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: đường L, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Khánh D; sinh năm: 1993 (có mặt);

Nơi cư trú: đường Đ, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* + Bà Trần Phương H; sinh năm: 1967 (có mặt);

+ Bà Châu Thị N; sinh năm: 1940 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn L có cho bà Trần Phương H, bà Châu Thị N vay nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 11/11/2019 bà H vay 130.000.000đ, thời hạn 01 năm, lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng (không biên nhận).

Lần 2: Ngày 21/02/2020 bà H vay 100.000.000đ, thời hạn không thỏa thuận, lãi suất 1,66%/tháng.

Để đảm bảo cho 02 khoản vay, bà H, bà N làm giấy tay sang nhượng thành quả lao động là căn nhà cất trên đất ven kênh xáng, tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố C cho ông L giữ. Việc này có Thừa phát lại lập Vi bằng chứng kiến việc giao nhận tiền. Khi vay bà H, bà N có đóng lãi tương đối đầy đủ, không nhớ số tiền lãi đã nhận.

Lần 3: Ngày 03/02/2021 bà H, bà N vay thêm số tiền 120.000.000đ, có lập hợp đồng công chứng và biên nhận nhận tiền do bà H đại diện ký tên. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 1,66%/tháng. Bà N, bà H có đóng lãi được 01 tháng thì ngưng do làm ăn gặp khó khăn. Từ tháng 4/2021 đến nay bà H không đóng lãi.

Đến ngày 10/4/2022 giữa ông L và bà H có đối chiếu, mẹ con bà H bà N còn nợ ông L tổng số tiền 350.000.000đ và có viết biên nhận và tiền lãi theo quy định từ tháng 4/2021 đến nay chưa thanh toán.

Nay ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà Châu Thị N, bà Trần Phương H trả tổng số tiền 489.440.000đ, trong đó: Tiền gốc: 350.000.000đ, lãi 139.440.000đ (lãi tính từ tháng 4/2021 đến tháng 04/2023 x 24 tháng x 1,66%/tháng). Ông L đồng ý hủy văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2020, hợp đồng mua bán nhà đất ngày 11/11/2019, ông L đồng ý trả lại bà Trần Phương H bản chính "Giấy cho nhà đất ở" ngày 25/10/2019 tên Châu Thị N, có xác nhận của trưởng ấp 3, xã Tắc Vân khi bà N, bà H thanh toán xong nợ.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, bà Trần Phương H trình bày:

Vào năm 2019 (không nhớ ngày, tháng) bà có vay của ông Nguyễn Văn L số tiền 120.000.000đ, thỏa thuận tiền góp, mỗi ngày góp 1.200.000đ, bà góp được 12 ngày thì thỏa thuận chuyển sang vay đóng lãi hàng tháng, lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 10.000.000đ, bà đóng tiền lãi mỗi tháng 10.000.000đ, do không có tiền nên có tháng đóng 8.000.000đ, có tháng đóng 3.000.000đ, tổng tiền lãi đã đóng bao nhiêu bà không nhớ. Khi vay và đóng lãi không làm giấy tờ.

Sau đó bà có vay thêm 100.000.000đ (không nhớ thời gian cụ thể, trong năm 2019) có sự chứng kiến của Văn phòng thừa phát lại. Lãi suất 10%/tháng, bà đóng lãi có tháng đóng đủ 10.000.000đ, có tháng đóng thiếu là 8.000.000đ. Khi vay có làm giấy nhưng bà không biết văn bản nào và có giao cho ông L 01 giấy cho nhà đất ở (có xác nhận của trưởng ấp B, xã T) và việc đóng lãi không làm giấy tờ.

Tổng cộng bà nợ ông L 220.000.000đ, sau đó đến ngày 10/4/2022 ông L tính tổng cộng nợ và xác định bà còn nợ là 350.000.000đ. Trong đó: bà nợ gốc 220.000.000đ, lãi 130.000.000đ) và bà có ký tên vào giấy nợ ngày 10/4/2022. Ông L yêu cầu bà ký tên thì bà ký do không biết chữ nên không đọc lại nội dung. Bà xác định giấy nợ ngày 10/4/2022 do bà viết tên và ghi họ tên phần cuối giấy nợ, bà chỉ viết được tên và ghi họ tên, ngoài ra bà không biết viết chữ nào khác.

Nay bà thừa nhận còn nợ ông L tổng số tiền 350.000.000đ và xin trả 02 tháng 25.000.000đ, trả đến khi hết nợ. Đồng thời bà xin trả trước số tiền 220.000.000đ, đối với 130.000.000đ bà xin trả sau.

Đối với việc ông L yêu cầu tiền lãi 139.440.000đ bà không đồng ý do trong số tiền 350.000.000đ đã có tính lãi.

Bà đồng ý hủy văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2020, hợp đồng mua bán nhà đất ngày 11/11/2019 giữa ông Nguyễn Văn L với bà Trần Phương H, Châu Thị N và nhận lại "Giấy cho nhà đất ở" ngày 25/10/2019. Bà xác định khoản nợ ông L là do bà có trách nhiệm trả, mẹ bà không liên quan.

- Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết bà Châu Thị N vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Châu Thị N là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, bản ý kiến ngày 24/4/2023 ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà Châu Thị N, bà Trần Phương H hoàn trả tổng số tiền 495.250.000đ. Tại phiên tòa, đại diện ông L có thay đổi yêu cầu, ông xác định yêu cầu bà N, bà H hoàn trả tổng số tiền 489.440.000, trong đó: Bà N, bà H trả 321.632.000đ, bà H có trách nhiệm trả 167.808.000đ. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà Châu Thị N, bà Trần Phương H thanh toán tổng số tiền còn nợ 489.440.000đ theo 03 lần vay với tổng số tiền vốn là 350.000.000đ và tiền lãi 139.440.000đ. Bà H đồng ý thanh toán số tiền 350.000.000đ, không đồng ý trả tiếp tiền lãi, do trong số tiền 350.000.000đ đã có 120.000.000đ tiền lãi. Đối với bà N không nêu ý kiến trình bày về việc nguyên đơn khởi kiện, đồng thời Tòa án cũng không làm việc được đối với bà N.

Hội đồng xét xử xét từng khoản vay:

[2.1] Lần 1: Ngày 11/11/2019 nguyên đơn cho rằng bị đơn vay 130.000.000đ, thời hạn 01 năm, lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng (không làm biên nhận).

Lần 2: Ngày 21/02/2020 bà H, bà N vay 100.000.000đ, thời hạn không thỏa thuận, lãi suất 1,66%/tháng.

Để đảm bảo cho 02 khoản vay, bà H, bà N làm giấy tay sang nhượng thành quả lao động là căn nhà cất trên đất ven kênh xáng, tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố C cho ông L giữ. Việc này có Thừa phát lại lập Vi bằng chứng kiến việc giao nhận tiền. Khi vay bà H, bà N có đóng lãi tương đối đầy đủ, không nhớ số tiền lãi đã nhận. Bà H xác định có đóng lãi cho nguyên đơn không nhớ số tiền đóng, khi đóng cũng không làm biên nhận. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền này với tổng số tiền 321.632.000đ. Trong đó: Vốn 230.000.000đ, lãi 91.632.000đ (Lãi suất tính từ ngày 03/4/2021 đến ngày 03/4/2023 là 24 tháng x 1,66%/tháng), đối với lãi suất sau ngày 03/4/2023 đến ngày xét xử (ngày

24/4/2023) nguyên đơn không yêu cầu. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với giấy nợ ngày 10/4/2022 do bà Trần Phương H ghi về thời gian nợ lãi, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận. Cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 321.632.000đ.

[2.2] Ngày 03/02/2021 bà H vay thêm số tiền 120.000.000đ, có lập hợp đồng công chứng và biên nhận nhận tiền do bà H đại diện ký tên. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 1,66%/tháng. Bà H có đóng lãi được 01 tháng thì ngưng do làm ăn gặp khó khăn. Từ ngày 03/4/2021 đến nay bà H không đóng lãi. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bà H có trách nhiệm hoàn trả số tiền vốn 120.000.000đ và tiền lãi 47.808.000đ (lãi suất từ ngày 03/4/2021 đến ngày 03/4/2023 là 24 tháng x 1,66%/tháng), đối với lãi suất sau ngày 03/4/2023 đến ngày xét xử (ngày 24/4/2023) nguyên đơn không yêu cầu. Xét thấy, đại diện nguyên đơn cho rằng khoản vay này bà H đóng lãi được 01 tháng, lãi suất 1,66%/tháng, từ tháng 4/2021 đến nay thì ngưng không đóng lãi, điều này cũng phù hợp với giấy nợ ngày 10/4/2022 bà H thừa nhận còn nợ vốn 350.000.000đ (có cả khoản vay 230.000.000đ như nhận định tại mục 2.1) và nợ lãi từ tháng 4/2021 đến ngày viết giấy nợ (ngày 10/4/2022), đối với bà H cho rằng sau khi vay vẫn đóng lãi, có tháng đóng đủ, có tháng nợ lãi, khi đóng không làm giấy tờ, nguyên đơn không thừa nhận có nhận tiền lãi của bà H, quá trình giải quyết các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình là có cơ sở, vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông L kiện bà H vốn và lãi là 167.808.000đ. Số tiền này cần buộc bà H thanh toán cho ông L là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm thanh toán nợ: Đại diện nguyên đơn yêu cầu bà N, bà H cùng có trách nhiệm thanh toán khoản vay ngày 11/11/2019 và vay ngày 03/02/2020 với tổng số tiền 321.632.000đ. Bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền 167.808.000đ. Xét thấy: Đối với văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2020 bà N, bà H là người ký nhận tiền và hợp đồng vay ngày 03/02/2021 bà H là người nhận tiền, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bà N, bà H cùng có trách nhiệm trả nợ đối với từng khoản vay là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Đới với việc ông L yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2020, hợp đồng mua bán nhà đất ngày 11/11/2019 và ông L đồng ý trả lại bà Trần Phương H bản chính "Giấy cho nhà đất ở" ngày 25/10/2019 tên Châu Thị N, có xác nhận của trưởng ấp 3, xã Tắc Vân khi bà N, bà H thanh toán xong nợ. Đối với bà Trần Phương H đồng ý hủy các văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2020, hợp đồng mua bán nhà đất ngày 11/11/2019 và nhận lại "Giấy cho nhà đất ở" ngày 25/10/2019. Xét thấy, do nhà cất trên phần đất bảo lưu ven sông, chưa được cấp quyền sử dụng đất nên các bên không được phép chuyển nhượng, vì vậy việc thỏa thuận hủy các văn bản nêu trên của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà N là

người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí đối với phần án phí dân sự sơ thẩm mà bà phải chịu nhưng bà không có đơn đề nghị nộp cho Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, nên bà phải nộp án phí theo quy định.

[6] Đối với việc bà H xin trả 02 tháng 25.000.000đ trả đến khi hết nợ. Xét thấy, việc xin trả dần không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bà Châu Thị N, bà Trần Phương H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn L tổng số tiền là: 321.632.000đ (Ba trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng). Trong đó: Vốn 230.000.000đ, lãi 91.632.000đ.

+ Buộc bà Trần Phương H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn L tổng số tiền là: 167.808.000đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm lẽ tám ngàn đồng). Trong đó: Vốn 120.000.000đ, lãi 47.808.000đ.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N, bà H không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thống nhất hủy: Hợp đồng mua bán nhà đất (Giấy thỏa thuận) ngày 11/11/2019; văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2020 giữa ông Nguyễn Văn L và bà Châu Thị N, bà Trần Phương H.

Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả lại cho bà Châu Thị N, bà Trần Phương H bản chính "Giấy cho nhà đất ở" ngày 25/10/2019 tên Châu Thị N, có xác nhận của trưởng ấp 3, xã Tắc Vân khi bà N, bà H thanh toán xong nợ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Châu Thị N phải nộp 8.041.000đ (chưa nộp).

+ Bà Trần Phương H phải nộp 16.431.200đ (chưa nộp).

+ Ông Nguyễn Văn L không phải nộp án phí. Vào ngày 15/02/2023 ông Nguyễn Văn L đã dự nộp số tiền 11.440.000đ, tại lai thu số 0002840 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Thị Thu